



Mô hình bệnh tật bệnh nhân điều trị nội trú tại Bệnh viện Y dược cổ truyền & phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ từ năm 2018-2020

DISEASE MODEL OF INPATIENT TREATMENT AT PHU THO PROVINCE TRADITIONAL MEDICINE AND REHABILITATION HOSPITAL FROM 2018-2020

Đào Đình Quang¹, Phùng Văn Tân¹, Nguyễn Cao Phi¹, Hoàng Kim Khánh¹, Bùi Thị Lan Anh².

¹Bệnh viện Y dược cổ truyền & Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ

²Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam

TÓM TẮT

Mục tiêu: khảo sát mô hình bệnh tật theo ICD-10 điều trị nội trú tại Bệnh viện Y dược cổ truyền & Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ từ năm 2018-2020

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu hồi cứu điều tra qua các “Báo cáo Thống kê bệnh viện” của Bệnh viện Y dược cổ truyền & Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ từ 2018-2020 và báo cáo tổng kết cuối năm.

Kết quả: nhóm bệnh của hệ cơ xương khớp và mô liên kết chiếm tỷ lệ cao nhất, chiếm 51,6%; nhóm bệnh của hệ thống thần kinh, chiếm 139,%; nhóm bệnh của hệ tuần hoàn chiếm 10,3%. Các bệnh thường gặp là: Viêm khớp dạng thấp và viêm khớp khác; Bệnh thoái hoá khớp; Đái tháo đường; Tăng huyết áp nguyên phát; Con thiếu máu não thoáng qua và các hội chứng liên quan; Tổn thương thần kinh, rã và đám rối thần kinh; Tổn thương các mô mềm; Liệt não, hội chứng liệt khác; Viêm phế quản và viêm tiểu phế quản cấp; Trĩ; Viêm dạ dày và tá tràng.

Từ khóa: Mô hình bệnh tật nội trú, y dược cổ truyền phú thọ

ABSTRACT

Objectives: Surveying the ICD-10-based disease model of inpatient treatment at Phu Tho Provincial Hospital of Traditional Medicine and Rehabilitation for 3 years from 2018-2020

Research subjects and methods: The retrospective study through the “Hospital Statistics Reports” of Phu Tho Province Traditional Medicine and Rehabilitation Hospital from 2018-2020 and the year-end summary report.

Results: The group of diseases of the musculoskeletal system and connective tissue accounted for the highest proportion, about 51.6%; the group of diseases of the nervous system, accounting for 139%; The group of diseases of the circulatory system accounted for 10.3%. The common diseases are: Rheumatoid

Ngày nhận bài: 20/4/2022

Ngày phản biện: 25/4/2022

Ngày chấp nhận đăng: 20/5/2022



arthritis and other arthritis; Osteoarthritis; Diabetes mellitus; Primary hypertension; Transient ischemic attack and related syndromes; Damage to nerves, roots and plexuses; Injury to soft tissues; Cerebral palsy, other paralytic syndromes; Bronchitis and acute bronchiolitis; Hemorrhoids; Inflammation of the stomach and duodenum.

Keywords: *Disease model of inpatients, Phu Tho Province Traditional Medicine and Rehabilitation Hospital*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ.

Mô hình bệnh tật của một khu vực, một quốc gia thay đổi, tương ứng với điều kiện sống, nền kinh tế và sự phát triển khoa học kỹ thuật.

Nghiên cứu mô hình bệnh tật để xác định nhu cầu khám chữa bệnh của người dân biến động ra sao qua các năm? Mô hình bệnh tật ở đây có đặc điểm gì? Cần chú ý đến những bệnh gì? Năng lực của bệnh viện đáp ứng với nhu cầu cũng như xu hướng thay đổi mô hình bệnh tật ra sao? Từ các kết quả này, một phần giúp Lãnh đạo bệnh viện vạch ra kế hoạch, đổi mới tổ chức quản lý phù hợp với mô hình bệnh tật của bệnh viện. Với những câu hỏi đặt ra ở trên cùng với thực tế bệnh viện, chúng tôi bước đầu sử dụng những nguồn số liệu báo cáo thống kê hàng năm của Bệnh viện Y dược cổ truyền & Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ từ năm 2018 đến năm 2020 để tiến hành nghiên cứu đề tài: **“Mô hình bệnh tật bệnh nhân điều trị nội trú tại Bệnh viện Y dược cổ truyền & Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ từ 2018 - 2019”** với mục tiêu: *Xác định mô hình bệnh tật theo ICD-10 qua số bệnh nhân điều trị nội trú tại Bệnh viện Y dược cổ truyền & Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ từ năm 2018 - 2020*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

- Báo cáo thống kê của Bệnh viện Y dược cổ truyền & Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ 3 năm (2018-2020).

- Đánh giá:

1. Mô hình bệnh tật theo ICD-10 bệnh nhân điều trị nội trú bệnh viện.

2. Năm nhóm bệnh có bệnh nhân điều trị nội trú nhiều nhất tại bệnh viện.

3. Mười bệnh thường gặp ở bệnh nhân điều trị nội trú bệnh viện

2. Phương pháp nghiên cứu

- Nghiên cứu hồi cứu điều tra qua các “Báo cáo Thống kê bệnh viện” của Bệnh viện Y dược cổ truyền & Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ 3 năm (2018-2020), báo cáo tổng kết cuối năm.

- Phương pháp thu thập thông tin: Chúng tôi sử dụng “Báo cáo thống kê bệnh viện” hàng năm (được ban hành theo Quyết định số 2360/1997/QĐ-BYT, ngày 14/11/1997 - Bộ Y tế) [1] của Bệnh viện Y dược cổ truyền & Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ để tiến hành nghiên cứu. Mỗi Báo cáo thống kê có 16 biểu, chúng tôi sử dụng biểu 11 (Trong phân tích mô hình bệnh tật, biểu 11 được sử dụng là bảng phân loại theo ICD 10, gồm 21 chương bệnh và 312 bệnh (*xem phụ lục*) là cách phân loại thường dùng nhất hiện nay trong thống kê y học. Thông qua phân tích mô hình bệnh tật cho chúng ta đánh giá bước đầu về nhu cầu KCB ở Bệnh viện Y dược cổ truyền & Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ của người dân. Từ đó, trên cơ sở phân tích, đánh giá sẽ cho chúng ta cái nhìn toàn diện về tình hình bệnh tật của bệnh viện.

- Sau khi thu thập được các thông tin từ các “Báo cáo thống kê bệnh viện”, đã kiểm tra các biểu mẫu phù hợp với các tiêu chuẩn Bộ Y tế ban hành. Những biểu mẫu không đạt yêu cầu báo cáo sẽ không được sử dụng trong nghiên cứu này.

3. Nguồn số liệu và phương pháp thống kê.

- Nguồn số liệu:

+ Các “Báo cáo Thống kê bệnh viện”

+ Hồ sơ bệnh án các khoa của Bệnh viện Y dược cổ truyền & Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ trong 3 năm (2018 - 2020)



Phương pháp thống kê y sinh học, tổng hợp, phân tích định tính.

4. Không chế sai số.

- Những sai số do tử số không chính xác: Kiểm tra, đối chiếu các biểu trong báo cáo để phát hiện những số liệu bất hợp lý.

- Những sai số do mẫu số không chính xác: Các số liệu bệnh nhân được lấy theo báo cáo thống kê bệnh nhân đến khám chính thức trong năm.

5. Đạo đức nghiên cứu.

- Được sự đồng ý của Hội đồng khoa học Bệnh viện Y dược cổ truyền & Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ

- Không sử dụng số liệu và thông tin của từng cá nhân mà sử dụng số liệu thống kê các hoạt động y tế của Bệnh viện Y dược cổ truyền & Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ theo mẫu do Bộ Y tế đã ban hành.

- Nghiên cứu đã sử dụng trung thực các số liệu có trong báo cáo sau khi kiểm tra các sai số.

6. Phân tích và xử lý số liệu.

- Số liệu nghiên cứu được phân tích và xử lý thống kê thông qua phần mềm EXCEL theo phương pháp tổng hợp, phân tích định tính.

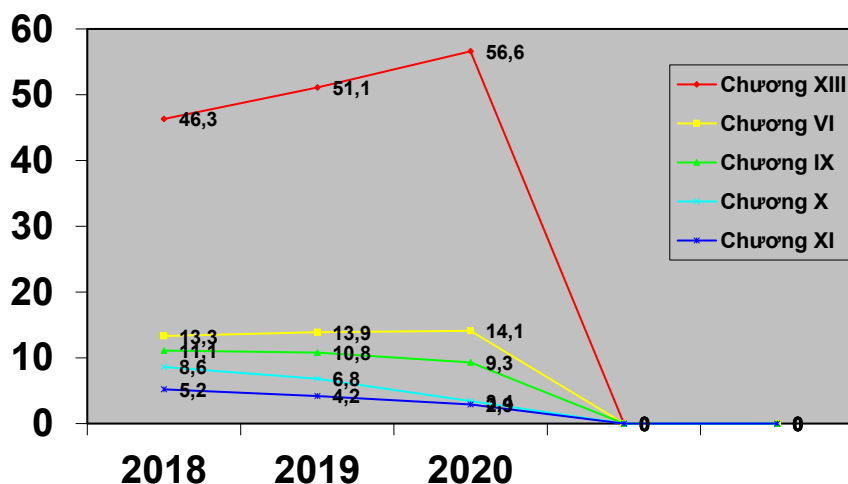
III. KẾT QUẢ

Bảng 3.1. Mô hình bệnh tật theo ICD 10 ở BN điều trị nội trú

Chương bệnh	2018		2019		2020		Chung 3 năm	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
I	136	2,6	110	2,1	83	1,3	329	2,0
II	49	0,9	19	0,4	32	0,5	100	0,6
III	3	0,1	2	0,0	1	0,0	6	0,0
IV	63	1,2	44	0,8	34	0,5	141	0,8
V	39	0,7	18	0,3	27	0,4	84	0,5
VI	724	13,6	728	13,9	875	14,1	2.327	13,9
VII	3	0,1	6	0,1	4	0,1	13	0,1
VIII	40	0,8	112	2,1	258	4,2	410	2,4
IX	590	11,1	567	10,8	575	9,3	1.732	10,3
X	456	8,6	354	6,8	212	3,4	1.022	6,1
XI	277	5,2	221	4,2	179	2,9	677	4,0
XII	127	2,4	65	1,2	96	1,5	288	1,7
XIII	2.455	46,3	2.672	51,1	3.510	56,6	8.637	51,6
XIV	76	1,4	76	1,5	73	1,2	225	1,3
XV	35	0,7	22	0,4	8	0,1	65	0,4
XVI	3	0,1	0	0,0	0	0,0	3	0,0
XVII	1	0,0	0	0,0	3	0,0	4	0,0
XVIII	83	1,6	47	0,9	59	1,0	189	1,1
XIX	135	2,5	156	3,0	158	2,5	449	2,7
XX	5	0,1	5	0,1	15	0,2	25	0,1
XXI	8	0,2	6	0,1	4	0,1	18	0,1
Tổng	5.308	100	5.230	100	6.206	100.0	16.744	100

Nhận xét:

Nhìn chung, Chương XIII, IV, IX, X và XI là 05 chương có tỷ lệ cao nhất trong số bệnh nhân điều trị nội trú tại bệnh viện. Chương XIII, IV có xu hướng tăng lên theo thời gian trong khi chương IX, X và XI xu hướng giảm dần hàng năm.



Đồ thị biểu diễn 5 nhóm bệnh thường gặp nhất trong 3 năm (2018-2020).

Nhận xét:

Tổng số và tỷ lệ nhóm Bệnh của hệ cơ xương khớp và mô liên kết chiếm ưu thế và tăng mạnh hàng năm; các nhóm Bệnh của hệ thống thần kinh tăng dần qua các năm. Ngược lại, nhóm Bệnh của hệ tiêu hoá; nhóm Bệnh của hệ hô hấp và nhóm Bệnh của hệ tuần hoàn giảm dần.

Bảng 3.2. Mười bệnh thường gặp điều trị nội trú tại bệnh viện theo mã bệnh (theo thứ tự giảm dần)

Mã bệnh	2018		Mã bệnh	2019		Mã bệnh	2020	
	Số BN	%		Số BN	%		Số BN	%
G45	400	7,54	G45	367	7,02	M06, M13	454	7,32
I10	358	6,74	I10	351	6,71	G45	396	6,38
M06, M13	329	6,20	M06,M13	294	5,62	I10	358	5,77
J20-J21	257	4,84	J20-J21	260	4,97	G80-G83	288	4,64
G80-G83	195	3,67	M60,M79	195	3,73	M60-M79	262	4,22
M60-M79	178	3,35	G80-G83	181	3,46	M15-M19	198	3,19
I84	171	3,22	M15-M19	152	2,91	J20-J21	159	2,56
M15-M19	129	2,43	G50-G59	149	2,85	G50-G59	155	2,50
G50-G59	119	2,24	I84	141	2,70	I84	127	2,05
J02-J03	109	2,05	K29	98	1,87	K29	92	1,48
Tổng số	2.245	42,29	Tổng số	2.188	41,84	Tổng số	2.489	40,11



Ghi chú

M06, M13	Viêm khớp dạng thấp và viêm khớp khác
G45	Con thiếu máu não thoáng qua và các hội chứng liên quan
I10	Tăng huyết áp nguyên phát
G80-G83	Liệt não, hội chứng liệt khác
M60-M79	Tổn thương các mô mềm
M15-M19	Bệnh thoái hoá khớp
J20-J21	Viêm phế quản và viêm tiểu phế quản cấp
G50-G59	Tổn thương thần kinh, rễ và đám rối thần kinh
I84	Trĩ
K29	Viêm dạ dày và tá tràng
J02-J03	Viêm họng và viêm amidan cấp

Nhận xét:

10 bệnh điều trị nội trú thường gặp nhất trong các năm ít biến động, các bệnh về viêm khớp dạng thấp và viêm khớp có xu hướng tăng dần về tỷ lệ hàng năm.

Bệnh Con thiếu máu não thoáng qua và các hội chứng tương tự và bệnh tăng huyết áp chiếm tỷ lệ giảm dần

Bệnh Viêm họng và viêm amidan cấp gặp xuất hiện trong 10 bệnh thường gặp ở BN điều trị nội trú ở năm 2018 nhưng không gặp ở năm 2019 và 2020

IV BÀN LUẬN

Theo bảng phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 (ICD-10), chia làm 21 chương bệnh tật khác nhau, kết quả nghiên cứu chúng tôi ghi nhận được tại Bệnh viện Y Dược cổ truyền và Phục hồi chức năng từ năm 2018-2020 như sau: Bệnh của hệ cơ xương khớp và mô liên kết có số bệnh nhân điều trị nội trú cũng chiếm tỷ lệ cao nhất, chiếm tới 51,6%. vị trí thứ hai là bệnh của hệ thống thần kinh 13,9%; kế tiếp là các nhóm bệnh Bệnh của hệ tuần hoàn 10,3%; bệnh của hệ hô hấp 6,1%; bệnh của hệ tiêu hoá 4,0%. Không có nhóm bệnh nào có sự tăng giảm đột biến trong các năm. Kết quả này phù hợp với tình trạng chung về mô hình bệnh tật ở các bệnh viện thuộc Y học cổ truyền và tương đương với kết quả mô hình bệnh tật nghiên cứu tại Bệnh viện Châm cứu Trung ương năm 2019 với kết quả bệnh thường gặp nhất chủ yếu là các nhóm bệnh của hệ thống thần kinh (46,721%); thứ hai là các bệnh thuộc nhóm bệnh rối loạn tâm thần và hành vi, chiếm (20,669%); Bệnh của hệ tuần hoàn chiếm (12,903%); kế tiếp là bệnh của cơ xương khớp và mô liên kết chiếm (5,90%);

[2]. Tại bệnh viện Y học cổ truyền Hà Đông Hà Nội (2010-2014) của Vũ Văn Hoàng thì nhóm bệnh của hệ cơ xương khớp và mô liên kết chiếm cao nhất và có xu hướng tăng dần (29,3%) [3]. Theo kết quả nghiên cứu của Nguyễn Trung Kiên ở bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Hà Nam thì tỷ lệ mắc các bệnh này là 29,6% [4].

Các bệnh hiếm gặp là các bệnh thuộc nhóm: Một số bệnh xuất phát trong thời kỳ chu sinh; Di tật bẩm sinh, biến dạng bất thường về NST; Bệnh của máu, cơ quan tạo máu và một số rối loạn liên quan tới cơ chế miễn dịch; Bệnh của mắt và phần phụ; Các yếu tố ảnh hưởng tới sức khoẻ và tiếp xúc dịch vụ y tế ...

Như vậy, mô hình bệnh tật theo ICD-10 ở bệnh nhân điều trị ngoại trú với mô hình bệnh tật ở bệnh nhân điều trị nội trú có sự khác biệt về đa dạng mặt bệnh nhưng không có sự khác biệt nhiều về nhóm bệnh cũng như bệnh thường gặp. Các bệnh thường gặp chủ yếu là các nhóm bệnh thuộc nhóm bệnh của hệ cơ xương khớp và mô liên kết; hệ thống thần kinh; Bệnh của hệ tuần hoàn; Bệnh của hệ hô hấp.



Trong khi nhóm bệnh nội tiết, dinh dưỡng, chuyên hoá thường gặp ở điều trị ngoại trú thì ở khối nội trú ít gặp và nhóm bệnh của hệ tiêu hoá hay gặp ở khối điều trị nội trú thì ít gặp ở khối điều trị ngoại trú. Có lẽ do đặc thù của bệnh viện thuộc khối YHCT nên tâm lý bệnh nhân thường lựa chọn các bệnh viện chuyên khoa đầu ngành để khám chữa bệnh. Kết quả này cũng tương đương với kết quả nghiên cứu ở Bệnh viện Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng tỉnh Bắc Ninh năm 2019 [5] với kết quả bệnh thường gặp nhất chủ yếu là các nhóm bệnh của hệ thống thần kinh chiếm (28,069%); thứ hai là các bệnh thuộc nhóm bệnh của hệ cơ xương khớp và mô liên kết chiếm (26,094%); Bệnh của hệ tuần hoàn chiếm (12,676%); kế tiếp là Các triệu chứng, dấu hiệu và những biểu hiện lâm sàng, cận lâm sàng bất thường không phân loại ở nơi khác chiếm (6,590%); sau nữa là các bệnh thuộc Bệnh của hệ tuần hoàn (5,552%).

Các bệnh thường gặp ở bệnh nhân điều trị nội trú: M06, M13-Viêm khớp dạng thấp và viêm khớp khác; M15-M19-Bệnh thoái hoá khớp; G45-Con thiếu máu não thoáng qua và các hội chứng liên quan; G50-G59-Tổn thương thần kinh, rễ và đám rối thần kinh; M60-M79-Tổn thương các mô mềm; I10-Tăng huyết áp nguyên phát; G80-G83-Liệt não, hội chứng liệt khác; J20-J21-Viêm phế quản và viêm tiểu phế quản cấp; I84-Trĩ; K29-Viêm dạ dày và tá tràng. Không có nhóm bệnh nào có sự tăng giảm đột biến trong các năm. Kết quả này có thể

cho thấy thế mạnh của bệnh viện là điều trị bằng YHCT và PHCN có các y, bác sĩ có trình độ và kinh nghiệm trong điều trị.

Từ những kết quả nghiên cứu về mô hình bệnh tật nói trên giúp cho lãnh đạo bệnh viện cần chú ý đến những bệnh thường gặp tại bệnh viện, dự đoán các bệnh trong tương lai để vạch ra kế hoạch, đổi mới tổ chức quản lý phù hợp với mô hình bệnh tật của bệnh viện và có kế hoạch phòng và điều trị bệnh có hiệu quả hơn.

V KẾT LUẬN

Mô hình bệnh tật tại Bệnh viện Y dược cổ truyền & Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ có những nét tương đồng với các Bệnh viện Y học cổ truyền khác.

+ Nhóm bệnh của hệ cơ xương khớp và mô liên kết chiếm tỷ lệ cao nhất trong 3 năm, chiếm 51,6%

+ Nhóm bệnh xếp thứ 2 là nhóm bệnh của hệ thống thần kinh, chiếm 139,0%.

+ Nhóm bệnh xếp thứ 3 là bệnh của hệ tuần hoàn chiếm 10,3%.

+ Các bệnh thường gặp là: Viêm khớp dạng thấp và viêm khớp khác; Bệnh thoái hoá khớp; Đái tháo đường; Tăng huyết áp nguyên phát; Con thiếu máu não thoáng qua và các hội chứng liên quan; Tổn thương thần kinh, rễ và đám rối thần kinh; Tổn thương các mô mềm; Liệt não, hội chứng liệt khác; Viêm phế quản và viêm tiểu phế quản cấp; Trĩ; Viêm dạ dày và tá tràng luôn chiếm tỷ lệ cao ở các năm và có xu hướng tăng lên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế, (2000), Niên giám thống kê Y tế 2000.
2. Phùng Văn Tân (2019), *Nghiên cứu mô hình bệnh tật và hoạt động khám chữa bệnh tại bệnh viện Chăm sóc trung ương từ năm 2014-2018*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở
3. Vũ Văn Hoàng (2016), *Mô hình bệnh tật, nguồn lực và hoạt động khám chữa bệnh tại Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Đông Hà Nội giai đoạn 2010-2014* Luận văn Bác sĩ Chuyên khoa cấp II Y tế công cộng, Đại học Y Hà Nội



4. Nguyễn Trung Kiên (2012), *Đánh giá nhu cầu khám chữa bệnh và tình hình hoạt động của viện y học cổ truyền tỉnh Hà Nam trong năm 2007-2011*, Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Y học cổ truyền, Học viện Y Dược cổ truyền Việt Nam.

5. Trần Đức Tuấn (2020), *Nghiên cứu cơ cấu bệnh tật tại Bệnh viện Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng tỉnh Bắc Ninh năm 2019*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở

PHỤ LỤC

Các chương bệnh theo phân loại ICD-10:

Chương I	Bệnh nhiễm khuẩn và KST.
Chương II	Khối u.
Chương III	Bệnh của máu, cơ quan tạo máu và một số rối loạn liên quan tới cơ chế miễn dịch.
Chương IV	Bệnh nội tiết, dinh dưỡng, chuyển hoá.
Chương V	Rối loạn tâm thần và hành vi.
Chương VI	Bệnh của hệ thống thần kinh.
Chương VII	Bệnh của mắt và phân phụ.
Chương VIII	Bệnh của tai và xương chũm.
Chương IX	Bệnh của hệ tuần hoàn.
Chương X	Bệnh của hệ hô hấp.
Chương XI	Bệnh của hệ tiêu hoá.
Chương XII	Bệnh da và mô dưới da.
Chương XIII	Bệnh của hệ cơ xương khớp và mô liên kết.
Chương XIV	Bệnh của hệ sinh dục, tiết niệu
Chương XV	Thai nghén, sinh đẻ và hậu sản.
Chương XVI	Một số bệnh xuất phát trong thời kỳ chu sinh.
Chương XVII	Dị tật bẩm sinh, biến dạng bất thường về NST.
Chương XVIII	Các triệu chứng, dấu hiệu và những biểu hiện lâm sàng, cận lâm sàng bất thường không phân loại ở nơi khác.
Chương XIX	Chấn thương, ngộ độc, và một số hậu quả khác do nguyên nhân bên ngoài.
Chương XX	Nguyên nhân bên ngoài của bệnh tật và tử vong.
Chương XXI	Các yếu tố ảnh hưởng tới sức khoẻ và tiếp xúc dịch vụ y tế.